

Bản án số: 56/2025/HS-PT
Ngày 13 -3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị My My
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Nguyễn Thị Hạnh Vân
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Trần Quyết Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo Phạm Thị Minh A, Trần Nhật Khánh A1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 405/2024/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Thị Minh A**, sinh ngày: 07/11/2000, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: 9 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 8/12; con ông Phạm Văn T, sinh năm: 1970 (không rõ nơi cư trú); con bà Trần Thị K, sinh năm: 1982; bị cáo có bị cáo có 01 con, sinh năm: 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 03/9/2023 đến ngày 12/9/2023 và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/9/2023 cho đến nay – Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Nhật Khánh A1 (T1)**, sinh ngày 02/02/2005, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: 9 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Văn T2, (không rõ năm sinh và nơi cư trú); con bà Trần Thị K, sinh năm: 1982; bị cáo chưa có chồng, con; tiền

án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 03/9/2023 đến ngày 18/10/2023 và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/10/2023 cho đến nay – Vắng mặt tại phiên tòa

- **Bị hại:** Ông Trịnh Q, sinh năm: 1995; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Thùy D - Sinh năm: 2000, địa chỉ: Tổ G, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi- Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Lâm P - Sinh năm: 2006, địa chỉ: Số A đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị K – Sinh năm: 1982, địa chỉ: Số I đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, anh Trịnh Q, sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk tổ chức đám cưới, sinh sống như vợ chồng với Phạm Thị Minh A và có 01 con chung tên Phạm Trần Thiên Â, sinh năm 2021. Đến năm 2022, do mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình nên anh Q và Minh A đã chia tay, hàng tháng anh Q về thăm con từ 1-2 lần, đều ở lại nhà Minh A tại số I P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng tháng 11/2022, anh Q quen biết rồi nảy sinh tình cảm yêu đương với bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2000, trú tại Tổ G, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình quen biết, anh Q và chị D có quan hệ tình dục với nhau và anh Q sử dụng điện thoại di động để quay lại 02 đoạn Video clip cảnh quan hệ tình dục (rõ mặt) giữa hai người lưu trữ trong điện thoại di động của anh Q. Khoảng cuối tháng 7/2023, anh Q về thăm con rồi ở lại nhà Minh A, khi anh Q ngủ, Minh A sử dụng điện thoại của anh Q rồi vào ứng dụng ảnh thì phát hiện 02 Video clip cảnh anh Q và chị D quan hệ tình dục với nhau, Minh A đã gửi 02 Video clip này qua điện thoại di động của mình thông qua ứng dụng Air Drop rồi lưu trữ trong điện thoại di động Iphone 14 Pro max, màu tím, dung lượng 256GB, số imei 355281430193273. Đến ngày 20/8/2023 Minh A nảy sinh ý định sử dụng 02 Video clip trên để đe dọa gây áp lực, yêu cầu anh Q phải đưa tiền cho Minh A nhằm chiếm đoạt. Để che giấu lai lịch, Minh A đã sử dụng tài khoản Gmail tên phamthminhanh21062021@gmail.com; thuyduyenn736@gmail.com tạo lập các tài khoản Facebook “Phạm Minh A”, “Thùy Duyên Nguyễn” rồi sử dụng tài khoản Facebook “Thùy Duyên Nguyễn” gửi các video và các hình ảnh cắt từ 02 Video nêu trên đến tài khoản FaceBook mang tên “Nguyễn Thùy D” của chị D, yêu cầu chị D nói với anh Q chuẩn bị tiền để chuyển cho Minh A, nếu không sẽ bị đăng tải các video clip trên lên mạng xã hội nhưng chị D không phản hồi mà khóa tài khoản Facebook. Thấy vậy, Minh A

tiếp tục sử dụng tài khoản “Thùy Duyên N” nhắn tin vào tài khoản facebook “Quang Vinh” của anh Trịnh Quang V (em trai của anh Q), sinh năm 2003, trú tại Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, gửi hình ảnh anh Q và chị D quan hệ tình dục. Tiếp đó, Minh A sử dụng tài khoản FaceBook “Thùy Duyên N” nhắn tin đến tài khoản FaceBook “Trịnh Quang” của anh Trịnh Q để gửi 02 Video cảnh quan hệ tình dục rõ mặt của anh Q và chị D, đồng thời đe dọa và yêu cầu anh Q giao số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), nếu không giao tiền thì sẽ đăng tải video và hình ảnh quan hệ tình dục của anh Q và chị D lên mạng xã hội. Khi thấy được các Video nêu trên, anh Q rất lo sợ nhưng chưa biết người đang nhắn tin là ai, nên nhắn tin trả lời để thỏa thuận. Sau đó, Minh A tiếp tục tạo tài khoản zalo “H”, đăng nhập trên điện thoại Xiaomi, kết bạn với tài khoản Zalo của anh Q tên “Trịnh Quang” số điện thoại 0962.445.445 để nhắn tin đe dọa đăng clip lên mạng xã hội, yêu cầu anh Q giao số tiền 300.000.000 đồng. Thời điểm này, Minh A có kể cho em gái là Trần Nhật K1 A1 biết việc Minh A có Clip của anh Q và đang nhắn tin yêu cầu anh Q chuyển tiền, đồng thời nhờ Khánh A1 cùng với Minh A sử dụng tài khoản Zalo “H” nhắn tin uy hiếp đòi tiền anh Q, thì Khánh A1 đồng ý. Sau đó, Minh A và Khánh A1 cùng nhau sử dụng tài khoản Zalo tên “H” nhắn tin nói chuyện với anh Q để đe dọa, gây áp lực yêu cầu anh Q đưa số tiền 300.000.000 đồng, anh Q sợ bị đăng Video clip nên hỏi về cách thức giao tiền thì được cho biết phải nạp tiền vào tài khoản ngân hàng rồi cung cấp mật khẩu tài khoản ngân hàng cho tài khoản “H” để “Hà Vân” tự rút tiền nhưng anh Q chưa đồng ý. Lúc này, Minh A và Khánh A1 bàn bạc với nhau sẽ gửi video clip cho gia đình, bạn bè anh Q, chị D để anh Q sợ mà giao tiền, sau đó Minh A đã dùng tài khoản facebook “Quang Trinh” gửi video clip quay cảnh quan hệ tình dục của anh Q và chị D cho facebook “Quang Vinh” của anh Trịnh Quang V là em trai anh Q; cho facebook “Hoàng Vỹ” của anh Trịnh Minh V1 là bạn của anh Q, cho facebook “Lý Thu Thảo” của chị Lý Thu T3 là bạn của chị D; đồng thời tiếp tục dùng tài khoản zalo “H” nhắn tin đe dọa anh Q. Đến chiều 31/8/2023, anh Q vẫn không giao tiền nên Minh A và Khánh A1 bàn bạc về việc sẽ đăng bài nói xấu anh Q trên Facebook về việc anh Q có Clip quan hệ tình dục rõ mặt, đồng thời bán video clip cho ai có nhu cầu mua. Để hợp thức hóa việc Minh A có video clip thì Minh A dùng tài khoản zalo “H” nhắn tin với anh Q nói rằng đã gửi 02 video clip trên cho Minh A. Tối 31/8/2023, Minh A sử dụng điện thoại di động đăng bài công khai trên Facebook “Minh Anh P1”, “Minh A”, “Phạm Minh Á” nội dung nói về việc anh Q và chị D có quan hệ yêu đương và có Video Clip quan hệ tình dục, Khánh A1 đã sử dụng Facebook cá nhân để chia sẻ bài viết trên của Minh A. Đến khoảng 18h00 phút ngày 01/9/2023, khi anh Nguyễn Lâm P (là bạn của Khánh A1) đến nhà chơi thì Minh A nảy sinh ý định mượn tài khoản của anh P để nhận tiền bán Video nhằm tránh bị phát hiện nhân thân lai lịch, Minh A đề nghị anh Nguyễn Lâm P cho mượn tài khoản, nói với anh P tài khoản của Minh A bị sự cố, cần mượn tài khoản của anh P để nhận tiền của những người mua mỹ phẩm của Minh A, khi nào tài khoản ổn định sẽ không nhờ nữa, thì anh P đồng ý. Rồi anh P cung cấp thông tin số tài khoản 04669500901 ngân hàng T6 của anh P cho Minh A. Đến tối 01/9/2023, Minh A đăng tải lên trang Facebook “Minh Anh P1”, “Minh A”, “Phạm Minh Á” nội dung phát tán các Video Clip trên bằng hình thức ai muốn

xem thì nhắn tin đến tài khoản Zalo số 0345.250640 của Minh A. Khi Minh A nhận được tin nhắn xin link video Clip quan hệ tình dục nêu trên của người khác qua ứng dụng Messenger thì Minh A sẽ nhắn tin yêu cầu liên hệ đến tài khoản Zalo “H”. Khi có người nhắn tin đến tài khoản Zalo “H” để xin Link Clip thì Minh A yêu cầu trả phí 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng)/01 Video C và yêu cầu chuyển tiền đến số tài khoản 04669500901 ngân hàng T6 của Nguyễn Lâm P. Sau khi người mua Clip chuyển tiền thì Minh A sử dụng Zalo H gửi Video Clip cảnh quan hệ tình dục của anh Q và chị D cho họ, còn khi anh P nhận được tiền đến tài khoản thì anh P sẽ tập hợp và chuyển lại số tiền trên đến tài khoản ngân hàng của Minh A (ngân hàng T7, số tài khoản: 94250640660, tên chủ tài khoản: P2). Trong ngày 01/9/2023 và 02/9/2023, anh P nhận được tổng số tiền 3.600.000 đồng của 21 tài khoản ngân hàng gửi đến để trả tiền mua Clip, anh P chuyển cho Minh A số tiền 3.400.000 đồng và giữ lại 200.000 đồng là số tiền mà Minh A còn nợ của anh P. Do nghi ngờ Minh A chính là người lập ra các tài khoản Facebook và Z để gửi Clip nhằm yêu cầu anh Q giao số tiền 300.000.000 đồng để chiếm đoạt nên anh Q và chị D đã làm đơn tố giác Minh A gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

Tại bản Kết luận giám định ngày 11/10/2023, của Sở V4 kết luận: trong 02 đĩa DVD, 01 đĩa DVD có chứa 01 đoạn video kích thước 558MB, độ dài 4 phút 33 giây, 01 đoạn video kích thước 275 MB, độ dài 03 phút 06 giây ; 01 đĩa DVD chứa 07 ảnh tên IMG_6716, IMG_7206, IMG_7935, IMG_7949, IMG_7950, IMG_7976, IMG_7977 có kích thước lần lượt là 13.3MB, 12.8MB, 3.08MB, 420 KB, 156 KB, 11.3 KB, 11.4 MB có hình ảnh một người phụ nữ và một người nam giới khỏa thân đang quan hệ tình dục, có nội dung khiêu dâm, đồi trụy.

Tại bản Kết luận giám định số 1435/KL-KTHS, ngày 27/12/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh Đ kết luận: 02 tập tin video gửi giám định không phát hiện dấu hiệu cắt, ghép, chỉnh sửa.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, sao kê các tài khoản có giao dịch chuyển tiền mua Video C và làm việc với những người có liên quan, đến nay xác định: các bị cáo Minh A, K thông qua tài khoản Facebook đã gửi video clip và các hình ảnh cắt từ video clip cho 03 người, bao gồm: (1) anh Trịnh Quang V, sinh năm 2003, trú tại Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; (2) chị Lý Thu T3, sinh năm 2000, trú tại phường L, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi; (3) anh Trịnh Minh V1, sinh năm 1998, trú tại: khối phố D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; các bị cáo Minh A, K thông qua tài khoản zalo tên “H” đã phổ biến 02 Video clip nêu trên cho 08 người rõ nhân thân lai lịch, bao gồm: (1) chị Trần Thị Kim H, sinh năm 2004, trú tại Tổ C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; (2) chị Trần Ngọc Tường V2, sinh năm 1990, trú tại C N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; (3) anh Nguyễn Vũ Quốc B, sinh năm 1997, trú tại Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; (4) anh Trương Quang K2, sinh năm 2004, trú tại Tổ dân phố D, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; (5) chị Phạm Thị Quỳnh T4, sinh năm 2002, trú tại Thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; (6) anh Đỗ Trọng N1, sinh năm 2002, trú tại Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; (7) anh Huỳnh Đình T5, sinh năm 1999, trú tại B N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

(8) anh Nguyễn Đình H1, sinh năm 2001, trú tại 169/13/16 N, TDP3, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 405/2024/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Minh A, Trần Nhật Khánh A1 phạm tội: “Cuồng đoạt tài sản” và tội: “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy”.

Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 170; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Minh A 05 năm tù

Áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 326 điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Minh A 02 năm tù

Áp dụng Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Thị Minh A phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là là 07 (B1) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời hạn bắt, tạm giữ từ ngày 03/9/2023 đến ngày 12/9/2023.

Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 170; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Nhật Khánh A1 04 năm tù

Áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 326 điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự

- Xử phạt bị cáo Trần Nhật Khánh A1 01 năm 06 tháng tù

Áp dụng Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Nhật Khánh A1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là là 05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời hạn bắt, tạm giữ từ ngày 03/9/2023 đến ngày 18/10/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/12/2024, các bị cáo Phạm Thị Minh A, Trần Nhật Khánh A1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thị Minh A, Trần Nhật Khánh A1 đều vắng mặt.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử các bị cáo Phạm Thị Minh A, Trần Nhật K1 An phạm các tội: “Cuồng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự và tội: “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 326 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng

người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt Tòa án sơ thẩm cũng đã xem xét áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và đã xử các bị cáo dưới mức của khung hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 405/2024/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị Minh A, Trần Nhật Khánh A1.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị Minh A, Trần Thị Khánh A2 mặc dù đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo.

[2] Quá trình xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Vào khoảng cuối tháng 7 năm 2023, Phạm Thị Minh A đã sử dụng điện thoại của Trịnh Q và vào ứng dụng ảnh, V3 clip thấy Trịnh Q và Nguyễn Thị Thùy D quan hệ tình dục với nhau nên Minh A đã gửi 02 Video clip này qua điện thoại di động của mình. Ngày 20/8/2023 đến 02/9/2023, Phạm Thị Minh A đã lập các tài khoản facebook tên “Thùy Duyên N”, “Quang Trinh” rồi sử dụng các tài khoản này gửi video clip cho Trịnh Q, Nguyễn Thị Thùy D và người thân của Trịnh Q đe dọa gây áp lực làm cho Trịnh Q lo sợ mà giao số tiền 300.000.000 đồng để chiếm đoạt. Sau đó, Minh A kể cho Trần Nhật K1 A2 nghe rồi cùng với Khánh A2 bàn bạc, gửi video, hình ảnh cắt từ video cho bạn bè, người thân của anh Q, chị D; sử dụng tài khoản Zalo “H” nhắn tin đe dọa anh Q. Cả hai đã sử dụng mạng xã hội Facebook, Z chuyển, bán Video Clip cho 11 người khác (đã xác định được nhân thân, lai lịch), thu lợi số tiền 3.600.000 đồng thì bị phát hiện xử lý. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo Phạm Thị Minh A, Trần Nhật Khánh A1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự và tội: “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy” và điểm g Khoản 2 Điều 326 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Thị Minh A 05 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 02 năm tù về tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy” và xử phạt bị cáo Trần Nhật K1 A1 04 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 01 năm 06 tháng tù về tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy” là đã xem xét áp dụng đầy

đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử mức án dưới khung hình phạt để quyết định hình phạt đối với các bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Minh A, Trần Nhật Khánh A1 - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 405/2024/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Minh A, Trần Nhật Khánh A1 (T1) phạm các tội: “Cưỡng đoạt tài sản” và tội: “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy”.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

[2.1] Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 170; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Minh A 05 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

[2.2] Áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 326 điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Minh A 02 năm tù về tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy”

Áp dụng Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Thị Minh A phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 (B1) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời hạn bắt, tạm giữ từ ngày 03/9/2023 đến ngày 12/9/2023.

[2.3] Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 170; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Nhật Khánh A1 (T1) 04 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

[2.4] Áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 326 điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự

- Xử phạt bị cáo Trần Nhật Khánh A1 (T1) 01 năm 06 tháng tù về tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy”

Áp dụng Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Nhật Khánh A1 (T1) phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời hạn bắt, tạm giữ từ ngày 03/9/2023 đến ngày 18/10/2023.

[3] Về án phí: Các bị cáo Phạm Thị Minh A, Trần Nhật Khánh A1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (LLTP);
- TAND Tp.Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp.Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My